23. HỘI ĐỒNG GIÁO SƯ LIÊN NGÀNH TRIẾT HỌC-XÃ HỘI HỌC-CHÍNH TRỊ HỌC

a) Các chuyên ngành (Specialization):

23.1. Triết học (Philosophy), gồm các chuyên ngành:

– Lịch sử triết học;

– Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử;

– Logic học;

– Đạo đức học;

– Mỹ học;

– Triết học trong khoa học tự nhiên;

– Triết học xã hội;

– Triết học văn hóa;

– Triết học phương Tây;

– Triết học phương Đông.

23.2. Xã hội học (Sociology), gồm các chuyên ngành:

– Lịch sử xã hội học;

– Xã hội học chung;

– Xã hội học chính trị;

– Xã hội học quản lý;

– Xã hội học dân sự;

– Xã hội học giới và gia đình;

– Xã hội học Mác xít;

– Xã hội học phương Tây hiện đại.

23.3. Chính trị học (Political Science), gồm các chuyên ngành:

– Lịch sử chính trị học;

– Chính trị học chung;

– Chính trị học quốc tế;

– Chính trị học so sánh;

– Quan hệ quốc tế;

– Nhà nước pháp quyền;

– Chính sách công và quản trị công;

– Chính đảng và xây dựng đảng.

b) Danh mục tạp chí được tính điểm:

Số TT	Tên tạp chí	Chỉ số ISSN	Loại	Cơ quan xuất bản	Điểm công trình
1	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín (là những tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN thuộc danh mục trong Web of Science (ISI), danh mục Scopus hoặc danh mục quốc tế khác do Hội đồng Giáo sư nhà nước quyết định)		Tạp chí		1 – 2,0
2	Bài báo công bố trên tạp chí khoa học quốc tế có hệ số ảnh hưởng hoặc (và) chỉ số trích dẫn vượt trội		Tạp chí		1 – 3,0
3	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, không thuộc danh mục trong Web of Science và Scopus có xuất bản trực tuyến		Tạp chí		0 – 1,0

4	Bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có mã số chuẩn quốc tế ISSN, không thuộc danh mục trong Web of Science và Scopus không có xuất bản trực tuyến		Tạp chí		0 - 0,75
5	Báo cáo khoa học tại Hội nghị Khoa học quốc gia và quốc tế đăng toàn văn trong kỷ yếu hội nghị có phản biện khoa học		Báo cáo		0 – 0,5
6	Báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học quốc tế viết bằng tiếng Anh có phản biện, được đăng toàn văn trong kỷ yếu của hội thảo		Báo cáo		0 – 1,0
7	Tạp chí Cộng sản	0876–7876	Tạp chí	Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam	0 – 1,0
8	Lý luận chính trị (kể cả Nghiên cứu lý luận)	0868–2771	Tạp chí	Học viện CTQG HCM	0 – 1,0
9	Triết học (tiếng Việt và tiếng Anh)	0866–7632	Tạp chí	Viện Triết học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
10	Xã hội học (tiếng Việt, tiếng Anh)	0866–7659	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0
11	Xã hội học (tiếng Anh - Sociology)	0866–7659	Tạp chí	Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 1,0 (từ 2019)
12	Vietnam Social Sciences (tiếng Việt và tiếng Anh)	1013–4328	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75 0 – 1,0 (từ 2019)

13	Châu Mỹ ngày nay	0868–3654	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Mỹ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
14	Nghiên cứu Đông Nam Á	0868–2739	Tạp chí	Viện Đông Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
15	Nghiên cứu Châu Âu	0868–3581	Tạp chí	Viện nghiên cứu Châu Âu, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
16	Nghiên cứu Tôn giáo	1859–0403	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
17	Nghiên cứu Con người	03281557	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Con người, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,75
18	Khoa học xã hội	1859–0136	Tạp chí	Viện Phát triển bền vững vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
19	Nhà nước và Pháp luật	0866–7446	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
20	Nghiên cứu Lịch sử	0866–7497	Tạp chí	Viện Sử học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
21	Dân tộc học	0866–7632	Tạp chí	Viện Dân tộc học, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
22	Nghiên cứu Trung Quốc	0868–3670	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Trung Quốc, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
23	Nghiên cứu Đông Bắc Á (tính cả nghiên cứu Nhật Bản)	0868–3646	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Đông Bắc Á	0 – 0,5
24	Quốc phòng toàn dân	0866–7527	Tạp chí	Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam	0 – 0,5
25	Giáo dục lý luận	0866–7411	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực I	0 – 0,5
26	Khoa học Chính trị	1859–0187	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực II	0 – 0,5

27	Sinh hoạt lý luận	0868–3247	Tạp chí	Học viện Chính trị Khu vực III	0 – 0,5
28	Giáo dục lý luận Chính trị quân sự	1859–056x	Tạp chí	Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng	0 – 0,5
29	Lịch sử Đảng	3936–8477	Tạp chí	Viện Lịch sử Đảng, HVCT, Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5
30	Đối ngoại	1859–2899	Tạp chí	Ban Đối ngoại Trung ương	0 – 0,5
31	Tổ chức nhà nước	0868–7683	Tạp chí	Bộ Nội vụ	0 – 0,5
32	Tuyên giáo (tính cả: Khoa giáo, Tư tưởng văn hóa; Công tác tư tưởng lý luận)	1859–2295	Tạp chí	Ban Tuyên giáo Trung ương	0 – 0,5
33	Gia đình và Giới (tiếng Việt và tiếng Anh)	1859–2937	Tạp chí	Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 0-0,75 (từ 2019)
34	Lý luận chính trị và truyền thông (tính cả Báo chí và Tuyên truyền)	1859–1485	Tạp chí	HV Báo chí và Tuyên truyền, Học viện Chính trị Quốc gia HCM	0 – 0,5
35	Văn hóa nghệ thuật	0866–8655	Tạp chí	Bộ Văn hóa – Thể thao và Du lịch	0 – 0,5
36	Quản lý nhà nước	0868–2828	Tạp chí	Học viện Hành chính quốc gia	0 – 0,5
37	Nghiên cứu Quốc tế (tiêng Việt và tiếng Anh)	1859–0608	Tạp chí	Học viện Ngoại giao, Bộ Ngoại giao	0 – 0,75
38	Khoa học	0866–8612	Tạp chí	Đại học Quốc gia Hà Nội	0 – 0,5
39	Khoa học	1859–3453	Tạp chí	Trường ĐH Mở TP.HCM	0 – 0,5
40	Tạp chí Khoa học, Đại học Sài Gòn	1859 -3208	Tạp chí	Trường Đại học Sài Gòn	0 – 0,5
41	Chính sách và Quản lý KH&CN	1859–3801	Tạp chí	Viện Chiến lược và Chính sách KH-CN, Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0,5

42	Lao động và Công đoàn	0866–7578	Tạp chí	Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam	0 – 0,25
43	Công tác Tôn giáo	1859–1760	Tạp chí	Ban Tôn giáo Chính phủ	0 – 0,25
44	Nhân lực khoa học xã hội	0866–756X	Tạp chí	Học viện KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 0 – 0,5 (từ 2017)
45	Dân chủ & Pháp luật	9866–7535	Tạp chí	Bộ Tư pháp	0 – 0,25
46	Giáo dục	1859–2937	Tạp chí	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0 – 0,25
47	Thông tin KHXH	0866–8647	Tạp chí	Viện Thông tin KHXH, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5
48	Khoa học (KHXH)	1859–3100	Tạp chí	Trường Đại học Sư phạm TP. HCM	0 – 0,25
49	Khoa học Giáo dục	0868–3662	Tạp chí	Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam	0 – 0,25
50	Nghiên cứu văn hóa dân gian	0866–7284	Tạp chí	Viện Văn hóa dân gian, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25
51	Khoa học và Công nghệ	1859–1531	Tạp chí	Đại học Đà Nẵng	0 – 0,25 0 – 0,5 (từ 2017)
52	Lịch sử quân sự	0868–7683	Tạp chí	Viện Nghiên cứu lịch sử quân sự Việt Nam	0 – 0,25
53	Khoa học (KHXH)	1859–1388	Tạp chí	Đại học Huế	0 – 0,25
54	Khoa học (KHXH)	0868–3719	Tạp chí	Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	0 – 0,25
55	Xây dựng Đảng	0886–8442	Tạp chí	Ban Tổ chức Trung ương	0 – 0,25
56	Nội chính	0886-7934	Tạp chí	Ban Nội chính Trung ương	0 – 0,5 (từ 2017)

57	Nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á	0886 – 7314	Tạp chí	Viện nghiên cứu Ấn Độ và Tây Nam Á, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,5 (từ 2017)
58	Nghiên cứu dân tộc	0886 – 773X	Tạp chí	Học viện Dân tộc, Ủy ban Dân tộc	0 – 0,25 (từ 2017)
59	Phát triển bền vững vùng	2354 – 0729	Tạp chí	Viện nghiên cứu phát triển bền vững Vùng, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0-0,25 (từ 2017) 0-0,5 (từ 2019)
60	Khoa học nội vụ	2354 – 1113	Tạp chí	Trường Đại học Nội vụ Hà Nội	0 – 0, 5 (từ 2017)
61	Khoa học và Công nghệ Việt Nam	1859 – 4794	Tạp chí	Bộ Khoa học và Công nghệ	0 – 0, 5 (từ 2017)
62	Khoa học	0886 – 8086	Tạp chí	Trường Đại học An Giang	0 – 0,25 (từ 2017)
63	Khoa học xã hội và nhân văn	2354 – 1172	Tạp chí	Trường ĐH KHXH&NV, ĐH Quốc gia Hà Nội	0 – 0,75 (từ 2017)
64	Nghiên cứu Hồ Chí Minh	2525 - 2550	Tạp chí	Viện Hồ Chí Minh và các lãnh tụ của Đảng, Học viện Chính trị quốc gia HCM	0 – 0,25 (từ 2019)
65	Khoa học Đại học Văn Lang	2525 - 2429	Tạp chí	Trường Đại học Văn Lang	0 – 0,25 (từ 2019)

66	Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông	1859 - 0519	Tạp chí	Viện Nghiên cứu Châu Phi và trung Đông, Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam	0 – 0,25 (từ 2019)
67	Khoa học Đà Lạt	0866 – 7887X	Tạp chí	Trường Đại học Đà Lạt	0 – 0,25 (từ 2019)
68	Quan hệ Quốc phòng	1859 -3739	Tạp chí	Viện Quan hệ quốc tế về quốc phòng , Bộ Quốc phòng	0 – 0,25 (từ 2019)
69	Thông tin Khoa học Lý luận chính trị	2354 - 1040	Tạp chí	Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh	0 – 0,25 (từ 2019)